

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2022

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thế Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Tịnh

2. Ông Nguyễn Duy Chấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lê Thị M – sinh năm 1982

Địa chỉ: TDP X, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đăk Nông (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: ông Nguyễn Thọ Q – sinh năm 1975

Địa chỉ: TDP X, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đăk Nông. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong khởi kiện đề ngày 14/02/2022 và lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị M trong quá trình giải quyết vụ án thì: bà và ông Nguyễn Thọ Q kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Đăk Nông. Hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống có hai con chung là cháu Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 30/4/2001 và cháu Nguyễn Anh V, sinh ngày 16/4/2009. Về tài sản chung: có nhà và đất. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc bà làm đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Thọ Q là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã, tình cảm dần không còn, cả hai đã sống ly thân từ năm 2016. Nhận thấy tình trạng vợ chồng không còn duy trì, hôn nhân không đạt được mục đích nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Thọ Q. Về con chung: cháu Nguyễn Thanh Th đã đủ tuổi trưởng thành; đối với cháu Nguyễn Anh V bà đồng ý

giao cho ông Nguyễn Thọ Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng; về cấp dưỡng: không. Về tài sản chung: tự thỏa thuận. Nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng ông Nguyễn Thọ Q theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Thọ Q không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án; Tuy nhiên ông Nguyễn Thọ Q có văn bản trình bày ý kiến: Ông xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do không có sự hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không thể hàn gắn, cả hai đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Ông Nguyễn Thọ Q cũng xác định không còn tình cảm với bà M. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của bà M thì ông Q cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Ông đồng ý nuôi dưỡng cháu Nguyễn Anh V cho đến khi cháu trưởng thành. Về cấp dưỡng: tự thỏa thuận. Về tài sản chung: tự thỏa thuận. Nợ chung: không có. Ông Nguyễn Thọ Q đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Theo lời trình bày của cháu Nguyễn Anh V trong quá trình giải quyết vụ án thì nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở với bố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M; xử cho Lê Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Thọ Q; về con chung: giao cháu Nguyễn Anh V, sinh ngày 16/4/2009 cho ông Nguyễn Thọ Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành; về cấp dưỡng: đương sự không yêu cầu nên không giải quyết; về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận; nợ chung: không có. Về án phí: buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Nguyễn Thọ Q, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (ông Nguyễn Thọ Q) có đăng ký hộ khẩu và hiện trú tại TDP X, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Thọ Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; do đó, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 228 BLTTDS.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị M và ông Nguyễn Thọ Q kết hôn với nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông, hôn nhân tự nguyện, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng không có biện pháp giải quyết hòa giải, cả hai bên sống thiếu niềm tin và trách nhiệm với nhau dẫn đến mâu thuẫn trở nên trầm trọng, hậu quả dẫn đến cả hai đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau, tình trạng vợ chồng không còn duy trì, cả hai đều xác định không còn tình cảm với nhau. Bà M, ông Q đã vi phạm nguyên tắc quyền, nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ, xử cho bà M ly hôn với ông Q là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị M và ông Nguyễn Thọ Q thống nhất giao cháu Nguyễn Anh V, sinh ngày 16/4/2009 cho ông Nguyễn Thọ Q nuôi dưỡng. Đây cũng là nguyện vọng của cháu Vũ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Anh V cho ông Nguyễn Thọ Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp. Đối với cháu Nguyễn Anh Th, sinh ngày 30/4/2001 đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: không có.

[2.5] Về án phí DSST: Bà Lê Thị M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX xét thấy cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều X7, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQHX ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Lê Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Thọ Q.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh V, sinh ngày 19/4/2009 cho ông Nguyễn Thọ Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

**/Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.*

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, Điều 110, Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

4. Về án phí DSST: bà Lê Thị M phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm về việc “Ly hôn” được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 000779 ngày 28/02/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND thị trấn M
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thế Thắng

